TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2026/HS-ST
Ngày 24-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mộng Bình;

2. Ông Lê Văn Lành;

- Thư ký phiên tòa: Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai gồm Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án. Điểm cầu thành phần tại Phân trại tạm giam khu vực B gồm bị cáo, cán bộ nơi giam giữ, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 367/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 393/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2026 đối với:

- Bị cáo:

1. Lê Văn Q, sinh năm 2002 tại Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn P, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Vũ Thị V, bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Theo bản án số 639/2024/HS-ST ngày 25/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt Lê Văn Q 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự; được đặc xá ngày 01/09/2025.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giam, giữ từ ngày 04/02/2026. Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam T, Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Đ.

2. Võ Minh L, sinh năm 1998 tại Đồng Nai; Nơi thường trú: 1 khu phố A, phường T, thành phố Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ (đã chết) và bà Đỗ Thị H (đã chết), bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Theo bản án số 114/2024/HS-ST ngày 21/05/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt Võ Minh L 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; chấp hành xong án phạt tù ngày 22/06/2025.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giam, giữ từ ngày 04/02/2026. Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam T, Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Đ ; có mặt tại phiên tòa.

3. Lương Sỹ C, sinh năm 1990 tại Nghệ An; Nơi thường trú: Thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Tài xế G; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Sỹ C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết), bị cáo có vợ chị Trịnh Thị Thùy Q1 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giam, giữ từ ngày 04/02/2026. Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam T, Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Đ ; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở: Số D, đường D, KCN B, phường L, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại là: Ông Park Doo H1 và ông Park J; hiện đã về Hàn Quốc; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Minh Q2, sinh năm: 2003; địa chỉ: 1, khu phố A, phường T, thành phố Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Lê Văn D, sinh năm: 1979; địa chỉ: C, khu phố A, phường T, thành phố Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1979; địa chỉ: E, tổ D, khu phố L, phường L, thành phố Đ; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thái Q3, sinh năm: 1980; cư trú: A26C, khu phố E, phường T, thành phố Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Các bị cáo Lê Văn Q, Võ Minh L, Lương Sỹ C và đối tượng tên H2 (không rõ lai lịch) có mối quan hệ quen biết. Q và H2 biết Công ty TNHH S1, có địachỉ tại

công nghiệp B, thuộc phường L, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) do ông Park Doo H1, sinh năm 1954 và ông Park J, sinh năm: 1981 (cùng có quốc tịch Hàn Quốc là người đại diện theo pháp luật) không có người trông coi, nên Q và H2 bàn nhau trộm cắp tài sản là những khối kim loại sắt của Công ty có trọng lượng lớn. Để thực hiện hành vi trộm cắp, buổi sáng ngày 04/02/2026, Q rủ Võ Minh L và H2 rủ Lương Sỹ C cùng tham gia trộm cắp thì được L và C đồng ý. Lê Văn Q liên hệ qua mạng xã hội và thuê một xe ô tô tải cẩu biển số 60C-683.39 do anhNguyễn Thái Q3, sinh năm 1980 (Nơi thường trú: Thôn B, xã I , tỉnh Đắk Lắk) là tài xế chạy xe đến Công ty S1 để cẩu lên xe những khối kim loại sắt và chở về khu vực bãi phế liệu gần sân vận động Đ1 với giá 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), Q nói với anh Q3 là tài sản thanh lý của Công ty nên Q3 đồng ý chở theo yêu cầu của Q.

Khoảng 11 giờ ngày 04/02/2026, Lê Văn Q, Võ Minh L, Lương Sỹ C, H2 (không rõ lai lịch) và Nguyễn Thái Q3 (tài xế xe tải cẩu) đều có mặt tại Công ty S1. Tại đây, Q và H2 đứng chỉ đạo cho Võ Minh L và Lương Sỹ C buộc dây dù vào nhữngkhối kim loại sắt để Q3 cẩu lên xe ô tô. Trong lúc Q3 đang cẩu lên xe thì H2 điều khiển xe mô tô đi ra ngoài (không ai biết H2 đi đâu). Sau khi cẩu xong thì Q điều khiển xe mô tô đi trước ra cổng để dẫn đường cho xe ô tô của Q3 đi thì bị lực lượng Công an phường L bắt quả tang cùng tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Lê Văn Q, Võ Minh L, Lương Sỹ C đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng của vụ án:

- 03 (ba) kim loại sắt, màu xanh (01 khung có kích thước 195,1cm x 259,5cm x 147,2cm; 01 khung có kích thước 130cm x 174cm x 178cm; 01 khung có kích thước 129,8cm x 128cm x 124cm) là vật chứng của vụ án; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A16K, số Imei: 866892054117133 do Lê Văn Q dùng vào việc phạm tội;

- 01 () xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển số 60F1-995.42, số khung: RLHJF451FY588520, số máy: JF45E0627046. Đã xác minh, điều tra làm rõ là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn D, sinh năm 1979 (Nơi cư trú: C, khu phố A, phường T, thành phố Đ) là bố của bị cáo Lê Văn Q, do Q tự ý lấy đi và sử dụng vào việc phạm tội mà ông D không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại ông D.

- 01 () xe ô tô tải cẩu biển số 60C-683.39. Đã xác minh, điều tra làm rõ là tài sản hợp pháp của ông Phạm Minh Q2, sinh năm 2003 (Nơi cư trú: A, tổ H, khu phố A, phường T, thành phố Đ), do tài xế Nguyễn Thái Q3 điều khiển đi chở hàng thuê, bản thân ông Q2 và ông Q3 không biết tài sản chở thuê là do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Phạm Minh Q2.

- 01 () xe mô tô nhãn hiệu Honda wave biển số 36B3-489.28, số khung: DY087395, số máy: 12E5086082. Đã xác minh, điều tra làm rõ là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979 (Nơi cư trú: số E, tổ D, khu phố L, phường L, thành phố Đ) là chị dâu của bị cáo C cho mượn làm phương tiện đi lại và không biết Chuyên sử dụngvào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T1.

* *Kết luận định giá tài sản số:* 07/KL-HĐĐGTS ngày 09/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 03 (ba) khung kim loại sắt, màu xanh (01 khung có kích thước 195,1cm x 259,5cm x 147,2cm; 01 khung có kích thước 130cm x 174cm x 178cm; 01 khung có kích thước 129,8cm x 128cm x 124cm), có tổng trọng lượng là 930kg, trị giá 6.510.000 đồng (sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S1 đã về Hàn Quốc, Công ty TNHH S1 hiện đã ngưng hoạt động nên không làm việc được. Khi nào người đại diện theo pháp luật của Công ty có yêu cầu về dân sự thì sẽ xem xét giải quyết sau.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 226/CT-VKS-KV1 ngày 02/6/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố các bị cáo:

- Lê Văn Q, Nguyễn Minh L1, Lương Sỹ C, về tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 và Điều 15 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 15; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt các bị cáo:

Lê Văn Q từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù;

Võ Minh L 08 (T2) tháng đến 10 (mười) tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 15; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lương Sỹ C 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù.

+ Xử lý vật chứng theo quy định.

- *Lời nói sau cùng*: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Văn Q4 xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được ra ngoài chữa mắt vì hiện nay mắt của bị cáo không nhìn thấy rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại đã bỏ về Hàn Quốc, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Quá trình điều tra, truy tố, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung bị can, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 04/02/2026, tại công nghiệp B, thuộc phường L, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ). Lê Văn Q, Võ Minh L, Lương Sỹ C có hành vi trộm cắp 03 (ba) khung kim loại sắt, có tổng trọng lượng là 930kg, trị giá 6.510.000 đồng (sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng) của Công ty TNHH S1, do ông Park Doo H1 và ông Park J là người đại diện theo pháp luật, thì bị lực lượng Công an phường L bắt quả tang, xử lý theo quy định. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên các bị cáo mới đưa tài sản lên thùng xe nhưng chưa dịch chuyển tài sản ra khỏi Công ty nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định các bị cáo Lê Văn Q, Võ Minh L và Lương Sỹ C phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025).

Như vậy, bản Cáo trạng số 226/CT-VKSKV1 ngày 02 tháng 6 năm 2026 và kết luận của Kiểm sát viên của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Lê Văn Q, Võ Minh L và Lương Sỹ C về tội "Trộm cắp tài sản" theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Do đó, cần áp dụng mức án nghiêm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

- *Xét tính chất đồng phạm:* Trong vụ án này các bị cáo rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng không có sự câu kết chặt chẽ, phân công trước và sau khi phạm tội nên xác định là đồng phạm giản đơn.

- *Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án:* Trong vụ án này Lê Văn Q là người khởi xướng, rủ rê bị cáo L, là người chỉ đạo tích cực cho các bị cáo L, C thực hiện hành vi phạm tội, Võ Minh L và Lương Sỹ C là người thực hành giúp sức. Vì vậy,

cần áp dụng hình phạt Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Ngày 25/11/2024, bị cáo Lê Văn Q đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2025, chưa được xóa án tích; ngày 21/5/2024, bị cáo Võ Minh L bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/6/2025, chưa được xóa án tích nên bị cáo Q và bị cáo L thuộc trường hợp "Tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Lê Văn Q, Võ Minh L, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Lương Sỹ C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Q, L. Đối với bị cáo C có có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt. Tuy nhiên, do bị cáo C đang bị tạm giam nên cần xem xét thời hạn tù của bị cáo bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam và áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của phát luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng:

- 03 (ba) kim loại sắt, màu xanh (01 khung có kích thước 195,1cm x 259,5cm x 147,2cm; 01 khung có kích thước 130cm x 174cm x 178cm; 01 khung có kích thước 129,8cm x 128cm x 124cm) là vật chứng của vụ án nên cần trả lại cho bị hại là Công ty TNHH S có ông Park Doo H1 và ông Park J là người đại diện theo pháp luật;

- 01 () điện thoại di động hiệu OPPO A16K, số Imei: 866892054117133 do Lê Văn Q dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- 01 () xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển số 60F1-995.42, số khung: RLHJF451FY588520, số máy: JF45E0627046. Đã xác minh, điều tra làm rõ là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn D, sinh năm 1979 (Nơi cư trú: C, khu phố A, phường T, thành phố Đ) là bố của bị cáo Lê Văn Q, do Q tự ý lấy đi và sử dụng vào việc phạm tội mà ông D không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại ông D là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 () xe ô tô tải cẩu biển số 60C-683.39. Qua xác minh, điều tra làm rõ là tài sản hợp pháp của ông Phạm Minh Q2, sinh năm 2003 (Nơi cư trú: A, tổ H, khu phố A, phường T, thành phố Đ), do tài xế Nguyễn Thái Q3 điều khiển đi chở hàng thuê, bản thân ông Q2 và ông Q3 không biết tài sản chở thuê là do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Phạm Minh Q2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 () xe mô tô nhãn hiệu Honda wave biển số 36B3-489.28, số khung: DY087395, số máy: 12E5086082. Qua xác minh, điều tra làm rõ là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979 (Nơi cư trú: số E, tổ D, khu phố L, phường L, thành phố Đ) là chị dâu của bị cáo C cho mượn làm phương tiện đi lại và không biết Chuyên sử dụngvào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với ông Nguyễn Thái Q3 là tài xế xe tải cẩu biển số 60C đã điều tra làm rõ ông Q3 là người chở hàng thuê theo yêu cầu của Lê Văn Q và không biết tài sản trên là do Q, L, C trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với người tên H2, sau khi thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" cùng với Q, L, C đã trốn thoát. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của H2. Nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự: Tài sản đã được thu hồi, ông Park Doo H1 và ông Park J là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S đã về Hàn Quốc, Công ty TNHH S1 hiện đã ngưng hoạt động nên không làm việc được. Khi nào người đại diện theo pháp luật của Công ty có yêu cầu về dân sự thì sẽ xem xét giải quyết sau.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo Lê Văn Q, Võ Minh L và Lương Sỹ C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Phần trình bày của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025);

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q, Võ Minh L và Lương Sỹ C phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 3 Điều 57;Điều 58;Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017,2024, 2025);

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 02 năm 2026.

Xử phạt bị cáo Võ Minh L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 02 năm 2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1, Điều 51, khoản 3 Điều 54, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

- Xử phạt bị cáo Lương Sỹ C 04 (bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 02 năm 2026.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lương Sỹ C, nếu không bị tam giam về một tội phạm khác.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A16K, số Imei: 866892054117133 bể màn hình (đã qua sử dụng);

- Trả lại cho Công ty TNHH S có ông Park Doo H1 và ông Park J là người đại theo pháp luật: 03 (ba) khung kim loại sắt, màu xanh (01 khung có kích thước 195,1cm x 259,5cm x 147,2cm; 01 khung có kích thước 130cm x 174cm x 178cm; 01 khung có kích thước 129,8cm x 128cm x 124cm).

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai và tại trụ sở Công an phường L, thành phố Đ theo Quyết định chuyển vật chứng số 120/QĐ-VKSV1 ngày 02/6/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/6/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lê Văn Q, Võ Minh L và Lương Sỹ C, mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an TP. Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai;
- Sở Tư pháp TP. Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nguyệt